

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 400/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Số D đường P, Tổ G, Khu G, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Trần Thị Thùy L, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: Số D đường P, Tổ G, Khu G, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh T và bà Trần Thị Thùy L tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn vào năm 2000 tại UBND phường H, thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 87, quyển số 0I/2000, ngày 01/09/2000. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Thanh T và bà Trần Thị Thùy L là hợp pháp theo quy định tại Điều 5, 6, 7 và Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông Nguyễn Thanh T và bà Trần Thị Thùy L yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Vì hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Thanh T và bà Trần Thị Thùy L có 01 con chung trong thời kỳ hôn nhân là cháu Nguyễn Trần Khánh D, sinh ngày 23/02/2002. Cháu Nguyễn Trần Khánh D đã trên 18 tuổi, có năng lực hành vi

dân sự đầy đủ và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Thanh T và bà Trần Thị Thùy L không có tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Người yêu cầu phải chịu theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 30/12/2024), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh T và bà Trần Thị Thùy L thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 87, quyển số 0I/2000, ngày 01/09/2000 do Ủy ban nhân dân phường H, thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Thanh T và bà Trần Thị Thùy L không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Ông Nguyễn Thanh T và bà Trần Thị Thùy L có 01 con chung trong thời kỳ hôn nhân là cháu Nguyễn Trần Khánh D, sinh ngày 23/02/2002. Cháu Nguyễn Trần Khánh D đã trên 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Thanh T và bà Trần Thị Thùy L không có yêu cầu, không tranh chấp nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Thanh T và bà Trần Thị Thùy L mỗi người phải chịu số tiền là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008738 ngày 12/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Khương Minh Trí